TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị N, sinh năm: 1975; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh P, sinh năm1976; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Ánh N, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Tô Thị H, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Hoài T; cư trú tại: Ấp TTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn N; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Bà Lê Thị Ng; cư trú tại: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Tô Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông P chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn, việc chung sống là tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông P có quan hệ với người phụ nữa khác, thường xuyên đánh bà, gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông P.

- Về con chung: Ông bà có hai người gon chung gồm: Trần Phú H, sinh năm 1997 và Trần Phú C, sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N xác định không có.

- Về nợ: Nợ bà Đoàn Ánh N 6.000.000đ, nợ bà Tô Thị H 7.000.000đ và nợ ông Nguyễn Hoài T 2.000.000đ. Bà yêu cầu ông P, bà Ng và ông N cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho các chủ nợ.

Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Ng thống nhất trình bày: Ông bà đồng ý trả cho bà N 6.000.000đ.

Bà Đoàn Ánh N trình bày: Ngày 20/8/2013 al, bà có cho bà N, ông P vay 6.000.000đ. Bà yêu cầu bà N, ông P, ông N và bà Ng trả số nợ trên, không yêu cầu trả lãi.

Bà Tô Thị H trình bày: Ngày 15/7/2011, bà có cho bà N, ông P mượn 7.000.000đ. Bà yêu cầu bà N, ông P trả số nợ trên.

Tại phiên tòa,

Bà Tô Thị N trình bày: Đối với khoản nợ bà H và ông T do ông T không yêu cầu, bà H vắng mặt tại phiên tòa nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với khoản nợ bà Đoàn Ánh N: Vào Ngày 20/8/2013 al, bà và ông P vay bà N 6.000.000đ đưa cho bà Lê Thị Ng để trả nợ Ngân hàng và mua tôm giống. Bà đồng ý cùng ông P, ông N và bà Ng trả số nợ trên.

Đối với ông Trần Minh P và ông Nguyễn Hoài T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Minh P, bà Tô Thị H và ông Nguyễn Hoài T, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Tô Thị N cho rằng bà và ông P chung sống vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông P không có ý kiến phản đối lời trình bày trên của bà N. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông P.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ:

Đối với khoản nợ bà Đoàn Ánh N, xét thấy: Vào thời điểm vay tiền, bà N đang sống chung với gia đình ông P, theo bà N xác định mục đích vay tiền để đưa cho bà Ng trả nợ Ngân hàng và mua tôm giống. Ông P đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản đối. Ông N và bà Ng đồng ý trả số nợ trên cho bà N. Nên có cơ sở xác định khoản nợ bà N là nợ chung của bà N, ông P, ông N và bà Ng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc bà N, ông P, ông N và bà Ng cùng liên đới trả cho bà N 6.000.000đ.

Bà Tô Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà N, ông P trả số tiền nợ 7.000.000đ.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N, ông P, ông N và bà Ng phải chịu 300.000đ theo quy định của pháp luật. Bà N không phải chịu, đã nộp được nhận lại. Sung công quỹ Nhà nước 300.000đ bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 16, khoản Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Tô Thị N và ông Trần Minh P là vợ chồng.

2. Về nợ:

2.1. Buộc bà Tô Thị N, ông Trần Minh P, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Ng cùng liên đới trả cho bà Đoàn Ánh N 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành

án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Tô Thị H về việc yêu cầu bà Tô Thị N và ông Trần Minh P trả số tiền nợ 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tô Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0011894 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Ánh N không phải chịu, bà N đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0012027 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Bà Tô Thị N, ông Trần Minh P, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Ng phải chịu 300.000đ.

Sung công quỹ Nhà nước 300.000đ bà Tô Thị H đã nộp theo biên lai số 0012026 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đặng Quốc Trạng